

Bản án số: 818/2020/HNGĐ -ST

Ngày 14-7-2020

V/v: Tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH THẠNH, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Chu Thị Nguyệt

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Bùi Thị Cẩm Vân

2. Bà Nguyễn Thị Nhon

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Trần Xuân Trường, là Thư ký Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Thạnh tham gia phiên tòa:*

Bà Đỗ Lê Mỹ Phương - Kiểm sát viên

Ngày 14 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai đối với vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 2026/2019/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 10 năm 2019 về việc: “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 35/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 25/5/2020 và quyết định hoãn phiên tòa số 94/2020/QĐST-HNGĐ ngày 22/6/2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà N Thị Thùy O *Sinh năm:* 1985

Bị đơn: Ông T Quang L *Sinh năm:* 1981

Địa chỉ thường trú: Phường 4, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các bản tự khai và các biên bản tại Tòa án, nguyên đơn là bà N Thị Thùy O trình bày:

Bà và ông T Quang L tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2006, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân Phường 4, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 72, quyển số 01 ngày 30/10/2006.

Thời gian đầu bà và ông L chung sống bình thường, sau đó thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chính là do bất đồng quan điểm, lối sống, công việc và cách nuôi dạy con cái dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã đôi khi xảy ra xô xát. Bà và ông L đã nhiều lần tự hòa giải hàn gắn với nhau nhưng vợ chồng vẫn không tìm được tiếng nói chung trong hôn nhân, mâu thuẫn ngày càng gay gắt nên ông bà đã sống ly thân từ tháng 5/2019 đến nay. Đến nay thì mâu thuẫn giữa đôi bên đã đến mức trầm trọng, không thể nào giải quyết được, tình cảm vợ chồng đã hết, mục đích hôn nhân không đạt được, khả năng vợ chồng quay về đoàn tụ là không thể nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông L để sớm ổn định lại cuộc sống.

Về con chung: Bà O khai bà và ông L có 01 người con chung tên T Bảo, sinh ngày 25/9/2009. Từ khi ông bà ông ly thân đến nay trẻ Bảo do bà O trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc nên bà yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng trẻ Ngọc và không yêu cầu ông L cấp dưỡng việc nuôi con chung cho bà.

Về tài sản chung: Bà O khai bà và ông L không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà O khai bà và ông L không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Phía bị đơn – ông T Quang L đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập lên Tòa án làm bản tự khai, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải đoàn tụ, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa nhưng trong suốt thời gian Tòa án giải quyết vụ án ông L vẫn không đến Tòa để làm việc và cũng không có bất kỳ ý kiến phản hồi nào bằng văn bản đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn là bà N Thị Thùy O có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và vẫn giữ các nguyên ý kiến và yêu cầu như trên. Bị đơn – ông T Quang L vắng mặt không lý do.

Tại phần tranh luận, nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và bị đơn vắng mặt không lý do nên không có ý kiến tranh luận.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng:

* Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán:

Thông qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm này thấy rằng Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Cụ thể: Thẩm phán xác định, đúng thẩm quyền giải

quyết của Tòa án, xác định vụ kiện thuộc trường hợp Viện kiểm sát tham gia phiên tòa; Việc cấp, tổng đạt, thông báo các văn bản tố tụng cho đương sự và Viện kiểm sát thực hiện theo đúng quy định từ Điều 170 đến Điều 181 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Tòa án tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ đúng theo quy định tại Điều 209, 210, 211 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

* Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa:

Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án. Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng quy định tại Điều 51 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

* Về việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng:

Đối với nguyên đơn: Từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa hôm nay nguyên đơn đã thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự.

Đối với bị đơn: Từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa hôm nay bị đơn đã thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Căn cứ các Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Bà N Thị Thùy O được ly hôn với ông T Quang L; giao con chung là trẻ T Bảo Ngọc, sinh ngày 25/9/2009 cho bà O trực tiếp nuôi dưỡng, ghi nhận sự tự nguyện của bà O về việc không yêu cầu ông L cấp dưỡng việc nuôi con chung; tài sản chung và nợ chung không có. Về án phí, nguyên đơn phải chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, lời trình bày của đương sự, phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Thạnh tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Quan hệ tranh chấp giữa bà N Thị Thùy O và ông T Quang L là tranh chấp về ly hôn. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

Bị đơn – ông T Quang L có địa chỉ cư trú tại 290A Phan Văn Trị, Phường 14, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh. Theo nội dung kết quả cung cấp chứng cứ ngày 07/11/2019 của Công an Phường 14, quận Bình Thạnh, có cơ sở xác định ông T

Quang L có hộ khẩu thường trú tại địa chỉ trên. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn - bà N Thị Thùy O có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Bị đơn – ông T Quang L đã được Tòa án tiến hành triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm lần 01 vào lúc 08 giờ 00 phút ngày 22/6/2020 và lần 02 vào lúc 08 giờ 00 ngày 14/7/2020 nhưng ông L vẫn vắng mặt không lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định vẫn tiến hành mở phiên tòa theo quy định.

[3] Về yêu cầu của đương sự:

- Về quan hệ hôn nhân:

Quan hệ hôn nhân giữa bà N Thị Thùy O và ông T Quang L được xây dựng trên cơ sở tự nguyện và được UBND Phường 14, quận Bình Thạnh cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 72, quyển số 01, ngày 30/10/2006, nên xác định đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Qua các lời khai của bà O có trong hồ sơ vụ án đều khẳng định tình trạng hôn nhân giữa bà và ông L đã đến mức trầm trọng, không còn khả năng hàn gắn. Nguyên nhân chính là do bất đồng về quan điểm, lối sống, công việc và cách nuôi dạy con cái dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã đôi khi xảy ra xô xát. Trước khi nộp đơn khởi kiện bà và ông L có nộp đơn yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn, sau đó cả hai đã rút đơn yêu cầu để có thêm cơ hội hàn gắn tình cảm. Tuy nhiên, sau khi rút đơn thì mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng hơn, cả hai không tìm được tiếng nói chung. Bà O khẳng định hiện bà không còn tình cảm gì với ông L, cả hai sống ly thân cũng đã lâu, trong suốt thời gian sống ly thân bà và ông L không ai quan tâm ai, mạnh ai lo cuộc sống của người đó.

Trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ lúc thụ lý vụ án cho đến thời điểm xét xử, Tòa án đã nhiều lần triệu tập hợp lệ ông T Quang L đến Tòa án để giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật Tố tụng dân sự. Trong đó có hai lần triệu tập hợp lệ ông L đến Tòa án để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải đoàn tụ nhưng ông L đều vắng mặt không lý do và cũng không có bất kỳ ý kiến phản hồi gì đối với yêu cầu ly hôn của bà O. Điều này thể hiện, ông L thực sự không còn quan tâm đến tình trạng hôn nhân giữa ông và bà O, không có thiện chí giải quyết mâu thuẫn vợ chồng để cùng nhau xây dựng cuộc sống gia đình hạnh phúc, chung tay nuôi dạy con cái.

Mặt khác, Tòa án cũng đã nhiều lần phân tích, động viên bà O quay về đoàn tụ với ông L, bà O khẳng định bà không còn tình cảm gì với ông L, khả năng hàn gắn tình cảm vợ chồng là không thể. Vì vậy, bà cương quyết giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông L.

Xét thấy, một gia đình hạnh L, bền vững phải được xây dựng từ thiện chí và tình cảm tự nguyện của vợ và chồng, nhưng đối với hôn nhân giữa bà O và ông L thì cả hai đều không có thiện chí tiếp tục duy trì hôn nhân. Từ các cơ sở phân tích trên, xét thấy tình trạng hôn nhân giữa bà O và ông L đã đến mức trầm trọng, hôn nhân không đạt được mục đích. Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà O.

- Về con chung: Bà O khai và ông L có 01 người con chung tên T Bảo Ngọc, sinh ngày 25/9/2009. Bà O yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Xét thấy, từ khi ông bà sống ly thân đến nay, trẻ Ngọc đã quen với việc được bà O trực tiếp chăm sóc, giáo dục, còn ông L lại không có bất kỳ ý kiến gì về yêu cầu nuôi con. Hội đồng xét xử xét thấy, để đảm bảo cho sự phát triển toàn diện của trẻ, tránh sự xáo trộn làm ảnh hưởng đến tâm lý của trẻ. Do đó, cần phải tiếp tục giao trẻ Ngọc cho bà O trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, việc này cũng phù hợp với nguyện vọng của trẻ Ngọc.

Nghĩa vụ cấp dưỡng việc nuôi con: Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của bà O, về việc không yêu cầu ông L cấp dưỡng việc nuôi con chung cho bà.

- Về tài sản chung: Bà O khai bà và ông L không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét, giải quyết về vấn đề tài sản chung.

- Về nợ chung: Bà O khai và ông L không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về án phí:

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 (ba trăm ngàn đồng), bà O nộp toàn bộ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b, Khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và Gia đình;

- Áp dụng Luật thi hành án dân sự;

- Áp dụng Luật phí và lệ phí Tòa án;

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn – bà N Thị Thùy O:

Về quan hệ vợ chồng: Bà N Thị Thùy O, sinh năm 1985 được ly hôn với ông T Quang L, sinh năm 1981.

Về con chung: Bà N Thị Thùy O và ông T Quang L có 01 người con chung tên T Bảo, sinh ngày 25/9/2009. Giao trẻ Bảo cho bà O trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Nghĩa vụ cấp dưỡng việc nuôi con: Ghi nhận sự tự nguyện của bà N Thị Thùy O về việc không yêu cầu ông T Quang L cấp dưỡng việc nuôi con chung.

Ông T Quang L được quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung. Vì lợi ích của con, khi có lý do chính đáng, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc việc cấp dưỡng việc nuôi con chung.

Về tài sản chung: Bà O khai bà và ông L không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà O khai bà và ông L không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Các bên thi hành tại cơ quan thi hành án có thẩm quyền.

2. Về án phí: Bà N Thị Thùy O phải nộp toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng), nhưng được cản trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà bà O đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0017041 ngày 22/10/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh. Sau khi cản trừ bà O đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa

thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP.Hồ Chí Minh;
- VKSND Q.Bình Thạnh;
- Chi Cục THADS Q.Bình Thạnh;
- UBND P.14, Q.Bình Thạnh;
- Các đương sự;
- Lưu VP; Hồ sơ

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Chu Thị Nguyệt

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:

- TAND TP.Hồ Chí Minh;
- VKSND quận Bình Thạnh;
- Chi Cục THADS quận Bình Thạnh;
- UBND Phường 26, quận Bình Thạnh;
- Các đương sự;
- Lưu VP; Hồ sơ

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thiện Liên Hương